



Bộ Tư pháp



Quỹ nhi đồng Liên hợp quốc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT DỰ ÁN

DỰ ÁN HỆ THỐNG TƯ PHÁP THÂN THIỆN VỚI NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN

Giai đoạn 2012-2016

PHẦN A: THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

1. **Tên và mã số Dự án:** Hệ thống tư pháp thân thiện với người chưa thành niên
2. **Mã ngành Dự án:**
3. **Tên cơ quan LHQ trợ giúp:** Quỹ nhi đồng Liên hợp quốc (UNICEF)
4. **Tên cơ quan chủ quản-Cơ quan đối tác cấp quốc gia: Bộ Tư pháp (BTP)**
 - a) Địa chỉ liên lạc: 58-60 Trần Phú, Hà Nội, Việt Nam
 - b) Số điện thoại/Fax: (84.4) 3.843. 8847
5. **Đơn vị đề xuất Dự án:** Bộ Tư pháp
 - a) Địa chỉ liên lạc: 58-60 Trần Phú, Hà Nội, Việt Nam
 - b) Số điện thoại/Fax:
6. **Chủ Dự án-Cơ quan chủ trì thực hiện dự kiến (NIP): Bộ Tư pháp**
 - a) Địa chỉ liên lạc: 58-60 Trần Phú, Hà Nội, Việt Nam
 - b) Số điện thoại/Fax: 04 62739528
7. **(Các) cơ quan đồng thực hiện dự kiến:**

7.1 Bộ Tư pháp:

7.1.1. *Vụ Pháp luật hình sự - hành chính;*

7.1.2. *Vụ Phổ biến và giáo dục pháp luật;*

7.1.3. *Cục Trợ giúp pháp lý;*

7.1.4. *Đại học Luật Hà Nội;*

7.1.5. *Học viện tư pháp;*

7.1.6. *Viện Khoa học pháp lý;*

7.1.7. *Trung tâm Lý lịch tư pháp Quốc gia.*

7.2 Bộ Công an:

7.2.1. *Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội (C45), Bộ Công an (BCA)*

a) Địa chỉ liên lạc: 55 Hoàng Hoa Thám, Việt Nam

b) Số điện thoại/Fax:

7.2.2. *Vụ Pháp chế, BCA*

a) Địa chỉ liên lạc: 22 Yết Kiêu, Hà Nội, Việt Nam

b) Số điện thoại/Fax:

7.2.4. *Tổng cục Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp, BCA*

a) Địa chỉ liên lạc: Hà Nội, Việt Nam

b) Số điện thoại/Fax:

7.2.5. *Tổng cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, BCA*

a) Địa chỉ liên lạc: Hà Nội, Việt Nam

b) Số điện thoại/Fax:

7.2.6. *Học viện Cảnh sát nhân dân, BCA*

a) Địa chỉ liên lạc: Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam

b) Số điện thoại/Fax:

7.3. Viện Kiểm sát nhân dân tối cao

7.3.1. *Vụ Thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra án hình sự về trật tự xã hội*

a) Địa chỉ liên lạc: 44 Lý Thường Kiệt, Hà Nội, Việt Nam

b) Số điện thoại/Fax:

7.3.2. *Viện Khoa học kiểm sát*

a) Địa chỉ liên lạc: 44 Lý Thường Kiệt, Hà Nội, Việt Nam

b) Số điện thoại/Fax:

7.3.3. Cục Thống kê tội phạm

- a) Địa chỉ liên lạc: 44 Lý Thường Kiệt, Hà Nội, Việt Nam
- b) Số điện thoại/Fax:

7.3.4. Trường Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm sát

- a) Địa chỉ liên lạc: , Hà Nội, Việt Nam
- b) Số điện thoại/Fax:

7.4. Tòa án nhân dân tối cao

7.4.1. Viện Khoa học xét xử

- a) Địa chỉ liên lạc: 48 Lý Thường Kiệt, Hà Nội, Việt Nam
- b) Số điện thoại/Fax:

7.4.2. Trường Cán bộ tòa án

- a) Địa chỉ liên lạc: , Hà Nội, Việt Nam
- b) Số điện thoại/Fax:

7.4.3. Vụ Thống kê tổng hợp

- a) Địa chỉ liên lạc: 48 Lý Thường Kiệt, Hà Nội, Việt Nam
- b) Số điện thoại/Fax:

7.4.4. Tòa Hình sự

- a) Địa chỉ liên lạc: 48 Lý Thường Kiệt, Hà Nội, Việt Nam
- b) Số điện thoại/Fax:

7.5. Bộ Lao động - Thương binh - Xã hội

7.5.1. Cục Bảo vệ, chăm sóc trẻ em

- a) Địa chỉ liên lạc: 35 Trần Phú, Hà Nội, Việt Nam
- b) Số điện thoại/Fax:

7.5.2. Vụ Pháp chế

- a) Địa chỉ liên lạc: 02 Đinh Lễ, Hà Nội, Việt Nam
- b) Số điện thoại/Fax:

7.6. Các Ủy ban hữu quan của Quốc hội

7.6.1. Ủy ban Tư pháp

- a) Địa chỉ liên lạc: 37 Hùng Vương, Hà Nội, Việt Nam
- b) Số điện thoại/Fax:

7.6.2. Ủy ban Pháp luật

- a) Địa chỉ liên lạc: 37 Hùng Vương, Hà Nội, Việt Nam
- b) Số điện thoại/Fax:

7.6.3. Ủy ban các vấn đề xã hội

- a) Địa chỉ liên lạc: 37 Hùng Vương, Hà Nội, Việt Nam
- b) Số điện thoại/Fax:

7.6.4. Ủy ban Văn hóa, giáo dục, thanh thiếu niên, nhi đồng

- a) Địa chỉ liên lạc: 37 Hùng Vương, Hà Nội, Việt Nam
- b) Số điện thoại/Fax:

7.7. Hội Luật gia Việt Nam

- a) Địa chỉ liên lạc: 216 Thụy Khuê, Hà Nội, Việt Nam
- b) Số điện thoại/Fax:

8. **Thời gian thực hiện Dự án:** từ 01/11/2012 đến 31/12/2016
9. **Địa điểm thực hiện Dự án:** Hà Nội và một số địa phương khác (được xác định trong quá trình thực hiện Dự án)
10. **Tổng vốn dự kiến của Dự án: 3,452,500 USD, trong đó**
- 10.1. Tổng vốn ODA không hoàn lại: 3.102.000 USD
- a. Vốn ODA đã được cam kết: 785. 300 USD
- a.1. Vốn thường xuyên: 320,000 USD (tổng ngân sách thường xuyên)
- a.2. Vốn đồng tài trợ: 465.300 USD (tổng ngân sách khác đã có sẵn)
- b. Vốn sẽ vận động thêm: 2.316.700 USD (chưa được cam kết)
- 10.2. Vốn đối ứng: 7.010.000 VND (tương đương 350.500 USD)
Bằng tiền mặt: 7.010.000 VND tương đương 350.500 USD)
11. **Hình thức cung cấp ODA:**
- a) ODA không hoàn lại: 3.102.000 USD
- b) ODA vay ưu đãi: 0 USD
- c) ODA vay hỗn hợp: 0 USD

PHẦN B: ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT DỰ ÁN

HỆ THỐNG TƯ PHÁP THÂN THIỆN VỚI NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN DO QUỸ NHI ĐỒNG CỦA LIÊN HỢP QUỐC (UNICEF) HỖ TRỢ

I. CƠ SỞ HÌNH THÀNH DỰ ÁN

1. Bối cảnh và sự cần thiết của Dự án

Việt Nam hiện đã đạt được những tiến bộ đáng kể trong tăng trưởng kinh tế và giải quyết các vấn đề xã hội. Mặc dù vậy, nhiều thách thức mới đang được đặt ra cho sự phát triển của đất nước trong đó phải kể đến sự gia tăng khoảng cách ngày càng lớn giữa người giàu và người nghèo, quá trình đô thị hóa nhanh chóng, tình trạng thất nghiệp, tình trạng ly hôn, di cư, lạm dụng chất gây nghiện, mại dâm, thay đổi các giá trị truyền thống và suy yếu của các mạng lưới hỗ trợ, cũng như tình trạng tội phạm gia tăng. Trước những thách thức đó, trẻ em¹ là những người đặc biệt dễ bị tổn thương. Điều đó được minh chứng qua sự gia tăng của số lượng trẻ em bị xâm hại, bị buôn bán, bóc lột sức lao động, bị bỏ rơi, vi phạm pháp luật, trẻ em bị nhiễm và bị ảnh hưởng bởi HIV và AIDS.

Thực trạng vi phạm pháp luật của người chưa thành niên trong những năm vừa qua đã khiến dư luận phải quan tâm. Theo số liệu thống kê của Bộ Công an trong năm năm 2006-2010, tổng số người chưa thành niên vi phạm pháp luật giảm dần qua từng năm, từ 16.446 người năm 2006 xuống còn 12.878 người trong năm 2010. Mặc dù vậy, số người chưa thành niên thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật nghiêm trọng bị truy cứu trách nhiệm hình sự lại ngày càng gia tăng. Nếu năm 2006, tỷ lệ người chưa thành niên vi phạm pháp luật bị xử lý hình sự chỉ chiếm 23,9% trên tổng số người chưa thành niên vi phạm pháp luật thì năm 2010, tỷ lệ này là 30,9%. Đa số người chưa thành niên vi phạm pháp luật là ở độ tuổi từ 16 đến dưới 18 (chiếm 65%); trẻ em nam chiếm hơn 96%. Ngoài ra, theo thống kê của Bộ Công an, trung bình hàng năm tội phạm do người chưa thành niên thực hiện chiếm khoảng 18,5% số vụ vi phạm pháp luật hình sự trong toàn quốc. Các hành vi vi phạm pháp luật phổ biến do người chưa thành niên thực hiện bao gồm trộm, cướp giật, gây rối trật tự công cộng, cố ý gây thương tích, lừa đảo, cướp.

Đối với những nhóm trẻ em khác có liên quan đến hệ thống tư pháp, báo cáo của Bộ Công an cho biết trong năm 2009, số trẻ em bị xâm hại là 1.805 em, trong đó đa số là trẻ em gái (65%). Xâm hại tình dục là hình thức xâm hại trẻ em phổ biến nhất, chiếm tới gần 60%, tiếp đó là cố ý gây thương tích, mua bán, bắt cóc trẻ em. Hiện không có cơ chế nào để thu thập một cách hệ thống các số liệu được phân tổ thích hợp (theo giới tính, nhóm tuổi v.v...) về các

¹ Theo quy định của Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, trẻ em là người dưới 16 tuổi. Bộ luật Dân sự quy định người chưa thành niên là người dưới 18 tuổi. Theo quy định của CƯQTE, trẻ em là người dưới 18 tuổi, trừ khi luật pháp quốc gia quy định độ tuổi trưởng thành lớn hơn. Trong tài liệu này, thuật ngữ trẻ em được sử dụng để chỉ người dưới 18 tuổi. Trong một số trường hợp cần có sự phân biệt giữa người dưới 18 tuổi và người dưới 16 tuổi, cả thuật ngữ người chưa thành niên và thuật ngữ trẻ em sẽ được sử dụng.

nhóm trẻ em khác có liên quan đến hệ thống tư pháp vì những lý do như cấp dưỡng, xác định cha, mẹ cho con, hạn chế quyền của cha mẹ v.v...

Trong những năm gần đây, Nhà nước Việt Nam đã có nhiều nỗ lực để làm hài hòa giữa hệ thống luật pháp, chính sách của quốc gia có liên quan đến tư pháp cho trẻ em với Công ước Quyền trẻ em của LHQ (CƯQTE) và các chuẩn mực quốc tế khác có liên quan, như Nghị định thư không bắt buộc của CƯQTE về mua bán trẻ em, mại dâm trẻ em và văn hóa phẩm khiêu dâm trẻ em, Quy tắc chuẩn tối thiểu của LHQ về quản lý tư pháp người chưa thành niên (Quy tắc Bắc Kinh), Hướng dẫn của LHQ về phòng ngừa người chưa thành niên vi phạm pháp luật (Hướng dẫn Ri Át), Quy tắc chuẩn tối thiểu về các biện pháp không tước tự do (Quy tắc Tô-ki-ô), Công ước về xóa bỏ phân biệt đối xử đối với phụ nữ (CƯ CEDAW); Quy tắc của LHQ về bảo vệ người chưa thành niên bị tước tự do. Chẳng hạn, năm 2009, Bộ luật Hình sự đã được sửa đổi trong đó quy định nguyên tắc hạn chế áp dụng hình phạt tù đối với người chưa thành niên. Thông tư liên tịch số 01/2011/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BTP-BLDTBXH ngày 12 tháng 7 năm 2011 được liên ngành Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Tư pháp và Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành hướng dẫn thi hành một số quy định của Bộ luật Tổ tụng hình sự đối với người tham gia tố tụng là người chưa thành niên, là một trong những nỗ lực của Việt Nam trong việc bảo vệ và thực hiện các quyền của người chưa thành niên trong hoạt động tố tụng. Nhiều hoạt động đã được thực hiện để tăng cường năng lực cho các cán bộ thi hành pháp luật và cán bộ tư pháp nhằm thúc đẩy điều tra, truy tố, xét xử thân thiện với người chưa thành niên.

Mặc dù đã có rất nhiều nỗ lực nhưng hệ thống tư pháp hiện hành vẫn còn một số khiếm khuyết cả về pháp luật lẫn thực tiễn trong việc bảo đảm sự tiếp cận của trẻ em và người chưa thành niên với hệ thống tư pháp, đặc biệt là những người là nạn nhân bị xâm hại, lạm dụng, bạo hành, bị vi phạm quyền lợi như được phân tích trong phần dưới đây.

Trước hết, so với các nước trong khu vực, hệ thống xử lý người chưa thành niên vi phạm pháp luật của Việt Nam vẫn còn nặng về trừng phạt.² Vì nhiều lý do khác nhau, như hệ thống trợ giúp pháp lý còn hạn chế, các thủ tục tố tụng đặc biệt dành cho trẻ em và người chưa thành niên còn chưa đầy đủ, người chưa thành niên, đặc biệt là trẻ em bị bóc lột, bạo hành, không phải bao giờ cũng tiếp cận được với hệ thống tư pháp. Tương tự như vậy, trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS, trẻ em dân tộc ít người, trẻ em di cư, cũng có thể gặp khó khăn hơn trong việc tiếp cận với hệ thống này, do các em ở vị thế yếu thế hơn so với các nhóm khác, do khu vực địa lý sinh sống và những lý do khác. Ngay cả trong trường hợp các em tiếp cận được với hệ thống tư pháp thì các thủ tục tố tụng cũng chưa đủ thân thiện để bảo đảm không làm tổn thương các em thêm nữa theo đúng yêu cầu của các chuẩn mực quốc tế về bảo vệ trẻ em. Các chương trình xử lý chuyển hướng, tái hòa nhập cộng đồng cũng như các dịch vụ hỗ trợ cho người chưa thành niên vi phạm pháp luật và người chưa thành niên có nguy cơ tại cộng đồng hoặc trong các cơ sở giáo dục tập trung (trường giáo dưỡng, trại giam v.v...) còn hạn chế, thường chỉ được thực hiện một lần và chưa hiệu quả. Nạn nhân và người chưa thành

² UNICEF, Báo cáo phân tích tình hình trẻ em tại Việt Nam 2010, trg 234.

niên vi phạm pháp luật cũng như gia đình các em không được trực tiếp tham gia vào việc quyết định lựa chọn giải pháp xử lý hiệu quả cho người chưa thành niên vi phạm pháp luật. Mặc dù chăm sóc, bảo vệ trẻ em nói chung và trẻ em có liên quan đến hệ thống tư pháp nói riêng là trách nhiệm của toàn xã hội, trong thực tế sự tham gia của các cơ quan phúc lợi xã hội vào việc hỗ trợ, bảo vệ trẻ em có liên quan đến hệ thống tư pháp còn hạn chế. Cơ chế phối hợp giữa các cơ quan tư pháp với các cơ quan phúc lợi xã hội còn lỏng lẻo, nhất là trong việc đánh giá các nhu cầu của trẻ em có liên quan đến hệ thống tư pháp, chuyển dẫn các em đến các dịch vụ hỗ trợ thích hợp và cung cấp dịch vụ cho trẻ em tại cộng đồng. Năm 2003, Ủy ban Quyền trẻ em sau khi xem xét báo cáo định kỳ lần thứ hai của Việt Nam về việc thi hành CUQTE đã bày tỏ sự quan ngại rằng hệ thống tư pháp người chưa thành niên của Việt Nam vẫn chưa đủ khả năng để ứng phó một cách hiệu quả đối với tình hình vi phạm pháp luật ngày càng gia tăng của người chưa thành niên. Ủy ban khuyến nghị rằng bên cạnh việc thực hiện các biện pháp khác, Việt Nam cần thực hiện đầy đủ các chuẩn mực quốc tế về tư pháp người chưa thành niên, cân nhắc ban hành một đạo luật riêng về tư pháp người chưa thành niên và thiết lập một hệ thống tòa án người chưa thành niên. Sau khi cân nhắc Báo cáo quốc gia lần thứ ba và thứ tư Việt Nam thực hiện Công ước quốc tế Quyền trẻ em giai đoạn 2002-2007, Ủy ban Quyền trẻ em đã đặt câu hỏi về việc quy định rõ ràng trong pháp luật về nguyên tắc lợi ích tốt nhất của trẻ em phải được quan tâm hàng đầu trong mọi quyết định có liên quan đến trẻ em của tòa án và cơ quan hành chính cũng như việc xây dựng và thực hiện một kế hoạch hành động về tư pháp người chưa thành niên phù hợp với CUQTE.

Để nâng cao hiệu quả giáo dục, phục hồi trong việc xử lý người chưa thành niên vi phạm pháp luật cũng như để bảo vệ tốt hơn trẻ em là nạn nhân, nhân chứng của tội phạm về mặt tâm lý, đồng thời thực hiện nghiêm túc các khuyến nghị của Ủy ban Quyền trẻ em, cần thực hiện những biện pháp cần thiết để làm cho hệ thống tư pháp trở nên thân thiện hơn nữa đối với người chưa thành niên.

Dự án Hệ thống tư pháp thân thiện với người chưa thành niên 2012-2016, trong khuôn khổ của Chương trình Bảo vệ trẻ em được xây dựng để hỗ trợ Chính phủ thực hiện tốt CUQTE và đạt được các Mục tiêu thiên niên kỷ (MDG). Dự án sẽ hỗ trợ thực hiện các mục tiêu, ưu tiên và chương trình trọng yếu của Chính phủ, như Chiến lược phát triển kinh tế xã hội (2011-2020), Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội (2011-2015). Dự án sẽ hỗ trợ tăng cường hệ thống phúc lợi xã hội và hệ thống tư pháp để giải quyết các vấn đề bảo vệ trẻ em một cách bền vững và xây dựng một hệ thống pháp luật đủ để bảo vệ trẻ em khỏi bị sao nhãng, xâm hại, bạo hành, bóc lột, đặc biệt là những trẻ em dễ bị tổn thương như trẻ em đã bị xâm hại, bóc lột, trẻ em mồ côi, bị bỏ rơi, trẻ em khuyết tật, trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS, trẻ em vi phạm pháp luật, trẻ em trong tình trạng khẩn cấp, trẻ em dân tộc ít người, di cư và các nhóm trẻ em khác.

Dự án sẽ hỗ trợ việc thực hiện **Chương trình quốc gia về bảo vệ trẻ em (2011-2015)**, là Chương trình lần đầu tiên được xây dựng với mục tiêu trực tiếp là bảo vệ các nhóm trẻ em dễ bị tổn thương và có nguy cơ bị xâm hại, bạo hành, bóc lột, vi phạm pháp luật. Trọng tâm của Dự án sẽ là vấn đề tư pháp cho trẻ em. Ngoài ra, Dự án sẽ hỗ trợ việc thực hiện **Chương**

trình quốc gia về phòng, chống mua bán người, đặc biệt là bảo vệ trẻ em là nạn nhân bị buôn bán trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử tội phạm.

Thông qua việc vận động và hỗ trợ kỹ thuật để xây dựng, sửa đổi, thực hiện các văn bản pháp luật chủ yếu liên quan đến bảo vệ trẻ em và tư pháp cho trẻ em, Dự án sẽ góp phần thực hiện các **Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam** đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 và **Chiến lược cải cách tư pháp** đến năm 2020. Dự án cũng sẽ hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phòng chống tội phạm, đặc biệt là Đề án 3 về phòng chống tội phạm người chưa thành niên và tội phạm xâm hại trẻ em.

2. Khái quát các chương trình, Dự án khác đã và đang thực hiện bằng nguồn vốn khác nhau

Cần nhấn mạnh rằng Dự án này được xây dựng dựa trên nhu cầu ưu tiên cần có hỗ trợ của các tổ chức quốc tế và **thực tiễn hợp tác** giữa Bộ Tư pháp, các cơ quan thi hành pháp luật và cơ quan tư pháp với UNICEF. Hình thức và nội dung của các hoạt động hỗ trợ của Dự án phản ánh rõ sự tiếp nối với các hoạt động hợp tác đã và đang thực hiện. Đồng thời, UNICEF hoạt động trong khuôn khổ của tiến trình “Một Liên hợp quốc”, là nền tảng vững chắc để hợp tác giữa Chính phủ Việt Nam với các cơ quan thuộc hệ thống Liên hợp quốc cũng như các đối tác phát triển như các nhà tài trợ song phương, các tổ chức phi chính phủ quốc tế, các tổ chức chính trị, chính trị xã hội, xã hội, nghề nghiệp và đối tác tư nhân. Trong khuôn khổ của Một Kế hoạch 2012-2016, Dự án sẽ góp phần thực hiện Mục tiêu 3.2 của Lĩnh vực trọng tâm thứ 3 về Quản trị và sự tham gia. Mục tiêu này nêu rõ: “Đến năm 2016, tất cả công dân, đặc biệt là các nhóm dễ bị tổn thương và thiệt thòi nhất, được hưởng lợi từ tăng cường cải cách pháp luật và tư pháp, tăng khả năng tiếp cận công lý, nâng cao năng lực cán bộ pháp luật và tư pháp, và củng cố các khuôn khổ pháp lý quốc gia để hỗ trợ thực hiện các công ước quốc tế mà Việt Nam đã phê chuẩn.”

Bảng dưới đây cung cấp thông tin về một số nhà tài trợ đã và đang hỗ trợ các chương trình và dự án liên quan đến pháp quyền, tiếp cận công lý, phòng chống tội phạm và ma túy, bảo vệ trẻ em, có liên quan đến lĩnh vực tư pháp với trẻ em.

STT	Chương trình	Giai đoạn	Nhà tài trợ
1	Tăng cường tiếp cận công lý và bảo vệ quyền ở Việt Nam	2010 – 2015	UNDP
2	Xây dựng năng lực thực hiện các công ước quốc tế về quyền con người ở Việt Nam	2008 – 2011	UNDP
3	Tăng cường năng lực của Hội Luật gia Việt Nam	2006 đến nay	UNDP
4	Tư vấn chính sách và hỗ trợ kỹ thuật cho Chính Phủ Việt Nam để thực hiện chương trình phòng, chống tội phạm và ma túy	2009 -2011	UNODC
5	Dự án Hỗ trợ kỹ thuật cải cách pháp luật và tư pháp	2007 – 2011	JICA
6	Chương trình hợp tác tư pháp (2010-2015)	2010-2015	EC
7	Dự án phòng ngừa vi phạm pháp luật của	2008 – 2010 (đã	Plan

	NCTN và tái hòa nhập cộng đồng	kết thúc)	International
--	--------------------------------	-----------	---------------

3. Các bài học rút ra từ Chương trình hợp tác quốc gia trước đây với tổ chức Liên hợp quốc dự kiến

Theo kết quả đánh giá giữa kỳ của UNICEF thực hiện vào năm 2008 và các hoạt động giám sát thường kỳ do chuyên gia của UNICEF tiến hành, UNICEF và các đối tác cần **tăng cường giám sát, đánh giá các mô hình thí điểm**, thông qua việc xác định rõ các tiêu chí đánh giá kết quả của các mô hình này, được xác định trong mỗi liên hệ chặt chẽ với các chương trình và dự án khác của quốc gia hướng tới mục tiêu nhân rộng và tạo tiền đề cho việc xây dựng chính sách, chương trình của Chính phủ. Bên cạnh đó, cần **lồng ghép các kế hoạch mang tính chiến lược về nâng cao năng lực cho cán bộ thi hành pháp luật, cán bộ tư pháp vào các chương trình đào tạo, giảng dạy của đối tác Chính phủ** để bảo đảm tính bền vững và mở rộng phạm vi bao phủ. Thứ ba, cần **hợp tác chặt chẽ với Quốc hội và các cơ quan Đảng** để bảo đảm rằng các vấn đề liên quan đến tư pháp với trẻ em được ưu tiên hơn nữa, và các khuyến nghị của UNICEF về hoàn thiện luật pháp, chính sách được xem xét trong quá trình thẩm định và thông qua các văn bản này. Thứ tư, cần xây dựng và đẩy mạnh **quan hệ đối tác với các tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ và khu vực tư nhân** để các chủ thể này hỗ trợ chính phủ cung cấp dịch vụ cho trẻ em vi phạm pháp luật và có nguy cơ vi phạm pháp luật thông qua nhiều hoạt động như nhận giáo dục, đỡ đầu, chăm sóc thay thế, hỗ trợ kinh phí, tạo điều kiện để trẻ em được học văn hóa, học nghề hoặc bố trí việc làm³.

4. Khái quát những vấn đề cần giải quyết trong phạm vi đề xuất của Dự án

Trong những năm gần đây, Nhà nước Việt Nam đã có nhiều nỗ lực để làm hài hòa giữa hệ thống luật pháp, chính sách của quốc gia có liên quan đến tư pháp cho trẻ em với Công ước Quyền trẻ em của LHQ (CƯQTE) và các chuẩn mực quốc tế khác có liên quan, nâng cao năng lực cho các cơ quan thi hành pháp luật và tư pháp về thủ tục tố tụng thân thiện với trẻ em và xử lý những loại tội phạm cụ thể xâm hại trẻ em.

Mặc dù đã có rất nhiều nỗ lực nhưng hệ thống tư pháp hiện hành vẫn còn một số khiếm khuyết, cả về pháp luật lẫn thực tiễn, trong việc bảo đảm sự bảo vệ và hỗ trợ đầy đủ cho người chưa thành niên có liên quan đến hệ thống tư pháp. Trước hết, các nghiên cứu cho biết hệ thống xử lý người chưa thành niên vi phạm pháp luật của Việt Nam vẫn còn mang nặng tính trừng phạt nêu so sánh với các nước trong khu vực.⁴ Chế tài đưa vào trường giáo dưỡng với thời hạn cao nhất là hai năm hiện đang được sử dụng khá phổ biến. Các chế tài thay thế cho giam giữ, đặc biệt là đối với người chưa thành niên vi phạm pháp luật từ 14-16 tuổi vẫn còn rất hạn chế. Các chương trình xử lý chuyển hướng và tái hòa nhập cộng đồng cũng như các dịch vụ hỗ trợ cho người chưa thành niên vi phạm pháp luật và người chưa thành niên có nguy cơ tại cộng đồng hoặc trong các cơ sở giáo dục tập trung (trường giáo dưỡng, trại giam v.v...) còn hạn chế, thường chỉ được thực hiện một lần và chất lượng chưa cao.

Thứ hai, thủ tục điều tra, truy tố, xét xử chưa thực sự phù hợp với nhu cầu bảo vệ đặc biệt của người chưa thành niên có liên quan đến hệ thống tư pháp. Việc bảo vệ sự riêng tư của nạn

³ Xem Điều 25 Nghị định 71/2011/NĐ-CP ngày 22/8/2011 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

⁴ Xem UNICEF và Tòa án nhân dân tối cao, Báo cáo tổng quan về cơ sở lý luận và thực tiễn của sự cần thiết thành lập tòa án chuyên trách đối với người chưa thành niên ở Việt Nam, 2012, UNICEF, Báo cáo phân tích tình hình trẻ em tại Việt Nam 2010; TANDTC-UNICEF, Thủ tục điều tra, xét xử liên quan đến trẻ em và người chưa thành niên - Đánh giá về thủ tục nhạy cảm với trẻ em, 2007.

nhân, nhân chứng và bị can, bị cáo chưa thành niên là một vấn đề cần quan tâm. Hiện chưa có một hệ thống đặc biệt để trẻ em bị xâm hại tố giác hành vi xâm hại mà áp dụng thủ tục hành chính hoặc hình sự chung. Các dịch vụ hỗ trợ nạn nhân là trẻ em trong quá trình tố tụng cũng chưa được xây dựng. Không có tòa án chuyên trách để giải quyết các vụ án gia đình hoặc các vụ án liên quan đến người chưa thành niên. Mặc dù ở trung ương thì có một đội cảnh sát chịu trách nhiệm điều tra án về buôn bán người và tội phạm xâm hại trẻ em cũng như tội phạm người chưa thành niên, ở địa phương, đội điều tra này chỉ được thành lập ở một số thành phố lớn như Hà Nội và Hải Phòng.

Thứ ba, năng lực của đội ngũ cán bộ hoạt động trong các lĩnh vực liên quan đến người chưa thành niên vi phạm pháp luật cũng như bị tội phạm xâm hại còn hạn chế. Trong khi nhận thức và năng lực của người làm công tác tư pháp liên quan đến trẻ em và người chưa thành niên còn chưa cao, công tác bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ này còn chưa đủ để đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Hiện chưa có đội ngũ điều tra viên, kiểm sát viên thẩm phán, luật sư, cán bộ trợ giúp pháp lý, được đào tạo chuyên sâu về lĩnh vực tư pháp với người chưa thành niên. Kỹ năng điều tra, truy tố, xét xử thân thiện với người chưa thành niên của các cán bộ tiến hành tố tụng còn rất hạn chế. Vai trò của cán bộ xã hội chưa được đề cập đến trong hệ thống tư pháp. Hệ thống quản lý, giám sát, hỗ trợ người chưa thành niên vi phạm pháp luật và có nguy cơ ở cộng đồng còn yếu. Mạng lưới dịch vụ, tư vấn, hỗ trợ, giúp đỡ cho người chưa thành niên (trợ giúp pháp lý, luật sư, tư vấn pháp luật và các thiết chế cộng đồng) còn chậm phát triển, phân bố không đồng đều và còn rất thiếu ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn.

Thứ tư, công tác phòng ngừa người chưa thành niên vi phạm pháp luật vẫn chưa được chú trọng đúng mức. Mặc dù hiện đã có một Đề án ở cấp quốc gia về phòng, chống tội phạm người chưa thành niên và tội phạm xâm hại trẻ em, các biện pháp phòng ngừa hiện nay vẫn chưa được chú trọng đúng mức và chưa phản ánh đầy đủ các nguyên tắc trong Hướng dẫn Ri Át về phòng ngừa vi phạm pháp luật của người chưa thành niên. Chẳng hạn, việc hỗ trợ trẻ em bỏ học tiếp tục đi học chưa được chú trọng đúng mức mặc dù đây là một vấn đề hết sức quan trọng vì số liệu thống kê cho biết đa số người chưa thành niên phạm tội hoặc tái phạm đã bỏ học trước đó hoặc có trình độ văn hóa rất thấp. Chưa có biện pháp hữu hiệu để bảo đảm xây dựng một môi trường sống, học tập, sinh hoạt lành mạnh phù hợp với đặc trưng tâm lý, lứa tuổi của người chưa thành niên.

Thứ năm, các số liệu và bằng chứng đáng tin cậy, cập nhật là nền tảng cho việc cải cách luật pháp, chính sách. Tuy nhiên, vẫn còn có những lĩnh vực chưa được nghiên cứu đầy đủ, đặc biệt là việc sử dụng các cơ chế tư pháp truyền thống để giải quyết các vụ việc xâm hại trẻ em, đánh giá chi phí-lợi ích của việc xử lý chuyển hướng và các giải pháp thay thế cho giam giữ đối với trẻ em vi phạm pháp luật. Hiện không có cơ chế nào để thu thập một cách hệ thống các số liệu được phân tổ thích hợp (theo giới tính, nhóm tuổi v.v...) về các nhóm trẻ em liên quan đến hệ thống tư pháp vì những lý do không phải là vi phạm pháp luật, ví dụ như vì lý do chăm sóc, cấp dưỡng, bảo vệ. Mặc dù Chính phủ đã đạt được những tiến bộ đáng kể trong việc thu thập số liệu về người chưa thành niên phạm tội, vẫn còn thiếu hệ thống theo dõi số liệu người chưa thành niên vi phạm pháp luật bị xử lý bằng hệ thống hành chính.

5. Những đối tượng thụ hưởng trực tiếp của Dự án

Dự án Hệ thống tư pháp thân thiện với người chưa thành niên có mục tiêu bảo vệ tất cả trẻ em và người chưa thành niên, bao gồm trẻ em dưới 16 tuổi và người chưa thành niên từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi, có liên quan đến hệ thống tư pháp, bao gồm cả người chưa thành niên

vi phạm pháp luật và người chưa thành niên là nạn nhân, nhân chứng của tội phạm cũng như những nhóm có liên quan đến hệ thống tư pháp vì lý do khác như chăm sóc, cấp dưỡng, bảo vệ. Tại tám tỉnh trọng điểm của UNICEF (Điện Biên, Lào Cai, Kon Tum, Gia Lai, Ninh Thuận, thành phố Hồ Chí Minh, An Giang và Đồng Tháp)⁵, người chưa thành niên là nạn nhân và nhân chứng của tội phạm sẽ được tăng cường tiếp cận tới các dịch vụ hỗ trợ nạn nhân, trợ giúp pháp lý, lấy lời khai thân thiện và các dịch vụ tư pháp khác thân thiện với người chưa thành niên. Đồng thời, một số người chưa thành niên vi phạm pháp luật sẽ được xử lý chuyển hướng khỏi hệ thống tư pháp chính thức để giáo dục tại cộng đồng và tham gia các chương trình tư pháp phục hồi. Người chưa thành niên ra khỏi các cơ sở giáo dục tập trung sẽ được chuyển dẫn đến các dịch vụ hỗ trợ để tái hòa nhập cộng đồng thành công.

Các hoạt động hỗ trợ thúc đẩy xây dựng chính sách và tăng cường năng lực và cơ chế bảo vệ người chưa thành niên liên quan đến hệ thống tư pháp sẽ được tiến hành trên toàn quốc. Các hoạt động tập huấn về tư pháp cho người chưa thành niên và điều tra, truy tố, xét xử thân thiện với người chưa thành niên sẽ được đẩy mạnh đối với các cán bộ công an, kiểm sát viên, thẩm phán, luật sư, cán bộ tư pháp. Các cộng tác viên, tình nguyện viên ở các địa bàn Dự án cũng sẽ được tập huấn về bảo vệ người chưa thành niên, tư pháp với người chưa thành niên, kiến thức cơ bản về công tác xã hội và quản lý ca.

II. CƠ SỞ ĐỀ XUẤT UNICEF TÀI TRỢ

1. Tính phù hợp của nội dung, mục tiêu Dự án với chính sách và định hướng ưu tiên của nhà tài trợ

UNICEF có sứ mệnh bảo vệ quyền của tất cả trẻ em theo CƯQTE. Để thực hiện sứ mệnh này, một trong những ưu tiên của UNICEF là bảo vệ trẻ em khỏi bị bạo hành, bóc lột và xâm hại, tập trung vào nhóm trẻ em dễ bị tổn thương, như trẻ em không có sự chăm sóc của cha mẹ, trẻ em vi phạm pháp luật. Trong lĩnh vực tư pháp cho trẻ em, trong khuôn khổ của Một Kế hoạch 2012-2016, Lĩnh vực trọng tâm thứ 3 về Quản trị và sự tham gia, Mục tiêu 3.2, UNICEF phối hợp với các cơ quan Liên hợp quốc và các đối tác khác nhằm bảo đảm rằng hệ thống tư pháp sẽ bảo vệ trẻ em một cách tốt hơn, kể cả trẻ em vi phạm pháp luật lẫn các em là nạn nhân, nhân chứng của tội phạm. Điều đó bao gồm việc tăng cường hệ thống tư pháp của quốc gia, thay đổi nhận thức của cộng đồng và lồng ghép các vấn đề tư pháp cho trẻ em trong các sáng kiến ở phạm vi rộng hơn như pháp quyền, xóa đói giảm nghèo. Do đó, các nội dung và mục tiêu của Dự án là hoàn toàn phù hợp với sứ mệnh và ưu tiên chương trình của UNICEF.

2. Lý do lựa chọn và lợi thế của nhà tài trợ về công nghệ, kinh nghiệm quản lý, tư vấn chính sách thuộc lĩnh vực được tài trợ

UNICEF có **lợi thế so sánh** đặc biệt với tư cách là tổ chức Liên hợp quốc về quyền trẻ em: UNICEF có trên **35 năm kinh nghiệm hợp tác với Chính phủ Việt Nam** và có hiểu biết sâu sắc về các vấn đề phụ nữ và trẻ em ở Việt Nam. Trong khuôn khổ Kế hoạch một Liên hợp quốc, UNICEF là cơ quan chủ chốt trong lĩnh vực tư pháp cho trẻ em. Thông qua Chương trình Bảo vệ trẻ em hiện hành, UNICEF đã và đang hỗ trợ Chính phủ Việt Nam tăng cường

⁵ Các tỉnh này được lựa chọn dựa trên 3 tiêu chí: (1) các tỉnh có tỷ lệ trẻ em bị thiệt thòi trên nhiều phương diện cao, bao gồm Lào Cai, Điện Biên, Kon Tum và Gia Lai; (2) một đô thị lớn đang phải đối mặt với nhiều vấn đề về trẻ em, có cơ hội để tăng cường quan hệ đối tác với khu vực tư nhân, có năng lực tốt để có thể tiến hành một số dự án thí điểm: thành phố Hồ Chí Minh; (3) các tỉnh đang có quan hệ hợp tác với UNICEF trong chu kỳ 2006-2011: An Giang, Đồng Tháp, Ninh Thuận.

khôn khổ luật pháp, chính sách về bảo vệ trẻ em và tư pháp cho trẻ em, nâng cao năng lực cho các cán bộ thi hành pháp luật và cán bộ tư pháp về điều tra, truy tố, xét xử thân thiện với trẻ em, thu thập số liệu, thông tin về thực trạng người chưa thành niên vi phạm pháp luật, nghiên cứu về xử lý chuyên hướng, tái hòa nhập cộng đồng đối với người chưa thành niên vi phạm pháp luật để cung cấp thông tin cho công tác xây dựng và hoàn thiện luật pháp, chính sách. Các hoạt động hợp tác của UNICEF trong lĩnh vực này đã được nhiều đối tác ở cả trung ương và địa phương ghi nhận, điều đó sẽ tạo thuận lợi cho việc thực hiện Dự án. Thông qua hoạt động hợp tác với các bộ, ngành trung ương, UNICEF có thể đẩy mạnh hỗ trợ kỹ thuật đối với các ban ngành địa phương.

Là tổ chức của Liên hợp quốc chuyên về vấn đề quyền trẻ em, UNICEF có nhiều kinh nghiệm trong việc hỗ trợ các quốc gia đang phát triển xây dựng hệ thống tư pháp thân thiện với người chưa thành niên, xây dựng hệ thống tòa án chuyên trách về trẻ em, thúc đẩy thủ tục điều tra, truy tố, xét xử thân thiện với trẻ em, các giải pháp thay thế cho giam giữ, xử lý chuyên hướng, tư pháp phục hồi, tăng cường năng lực cho đội ngũ cán bộ thi hành pháp luật và cán bộ tư pháp nhằm bảo vệ tốt hơn trẻ em có liên quan đến hệ thống tư pháp. Đồng thời, nhờ **quan hệ đối tác và mạng lưới quốc tế** của mình, UNICEF sẽ giới thiệu các điển hình tốt trên thế giới, các kiến thức chuyên môn kỹ thuật và kinh nghiệm quốc tế để hỗ trợ cho các cơ quan thi hành pháp luật và cơ quan tư pháp. UNICEF cũng đóng vai trò chủ trì phối hợp với các đối tác phát triển khác ở Việt Nam trong lĩnh vực này, các thiết chế và cơ quan thích hợp để thiết lập nên một nhóm điều phối để bảo đảm sự hài hòa của các nỗ lực trong lĩnh vực bảo vệ trẻ em và tư pháp với trẻ em.

3. Các điều kiện ràng buộc theo quy định của nhà tài trợ và khả năng đáp ứng các điều kiện này của phía Việt Nam

Những hướng dẫn chính sách chủ yếu mà Cơ quan thực hiện Dự án và các Cơ quan đồng thực hiện Dự án cần tuân thủ đã được chỉ rõ trong **Quy chế chung quản lý chương trình, Dự án hợp tác Việt Nam-Liên hợp quốc (HPPMG)**. Ngoài ra, **cách tiếp cận dựa trên quyền và sự công bằng**, đòi hỏi phải chú trọng đến các nhóm dân cư chịu nhiều thiệt thòi nhất, trong đó có trẻ em khuyết tật, nghèo thành thị và nông thôn, cũng như cách tiếp cận nhạy cảm giới trong xây dựng chương trình là những hướng dẫn cơ bản của UNICEF cần phải tuân thủ. Lãnh đạo và cán bộ của các đối tác đã biết và làm quen với những điều kiện này nhờ quá trình hợp tác nhiều năm với UNICEF.

Bên cạnh đó, Bộ Tư pháp và các cơ quan thi hành pháp luật và cơ quan tư pháp đã tham vấn cụ thể với UNICEF và các chuyên gia kỹ thuật, do đó đã hiểu rõ các **ưu tiên cũng như các phương thức hoạt động mà UNICEF khuyến khích**, bao gồm: (i) cách tiếp cận bảo đảm mối liên kết giữa trung ương và địa phương của UNICEF trong chu kỳ mới để bảo đảm rằng các sáng kiến quan trọng liên quan đến tư pháp cho trẻ em được thực hiện ở địa phương sẽ đóng góp cho trung ương trong việc ra quyết định cũng như bảo đảm rằng các chính sách quốc gia sẽ được thực hiện hiệu quả tại địa phương; (ii) sự chú trọng đến việc tăng cường điều phối liên ngành thông qua các chương trình như “Chương trình quốc gia bảo vệ trẻ em” và các chiến lược cải cách luật pháp và cải cách tư pháp, thông qua việc tăng cường huy động nguồn lực đầu tư để thúc đẩy điều phối, hợp tác; (iii) chú trọng hơn nữa việc hỗ trợ các kế hoạch ngành để khiến cho các kế hoạch hoạt động của ngành mang tính thân thiện và hòa nhập hơn nữa với trẻ em, với các hoạt động mang tính khả thi, được bố trí đủ ngân sách và nguồn nhân lực; (iv) chú trọng hơn nữa đến công tác bảo vệ trẻ em ở địa phương trong chu kỳ mới – vẫn còn những khoảng cách khá lớn trong nhận thức và giải quyết các vấn đề bảo vệ trẻ em ở địa phương, và cuối cùng (v) công tác truyền thông vì sự phát triển (C4D) sẽ

được đặc biệt chú trọng trong chu kỳ mới với tư cách là một chiến lược chủ đạo để tăng cường các kết quả đem lại cho trẻ em.

III. DỰ KIẾN MỤC TIÊU VÀ CÁC CHỈ SỐ CHÍNH CỦA DỰ ÁN

1. Mục tiêu chung và các chỉ số chính

Mục tiêu chung: Vào năm 2016, Hệ thống tư pháp thân thiện với trẻ em được hình thành, phù hợp với Công ước Quyền trẻ em và các chuẩn mực quốc tế chủ yếu nhằm bảo vệ tốt hơn quyền của trẻ em có liên quan đến hệ thống tư pháp.

Chỉ số chính:

- Số lượng khuyến nghị của Ủy ban Quyền trẻ em của Liên hợp quốc liên quan đến tư pháp cho trẻ em được Chính phủ tiếp thụ giải quyết

2. Các mục tiêu ngắn hạn và các chỉ số chính

Mục tiêu cụ thể 1: Quyền của trẻ em có liên quan đến hệ thống tư pháp được ghi nhận tốt hơn trong các văn bản pháp luật và chính sách chủ yếu về tư pháp cho trẻ em

Chỉ số:

- Số lượng các văn bản luật và văn bản dưới luật, chính sách, chương trình liên quan đến tư pháp cho trẻ em mới được xây dựng hoặc sửa đổi với sự hỗ trợ của UNICEF, phù hợp với CUQTE nhằm bảo vệ trẻ em tốt hơn;
- Khung khổ giám sát thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phòng, chống tội phạm được ban hành
- Dự án quốc gia về thành lập tòa án gia đình hoặc tòa án người chưa thành niên được xây dựng

Mục tiêu cụ thể 2: Hệ thống tổ chức thi hành pháp luật và tư pháp thân thiện với trẻ em được hoàn thiện, các dịch vụ được tăng cường để thúc đẩy bảo vệ và hỗ trợ trẻ em có liên quan đến hệ thống tư pháp

Chỉ số:

- Số lượng các mô hình mới về tư pháp cho trẻ em (điều tra, truy tố, xét xử thân thiện với trẻ em) được xây dựng và thực hiện
- Số lượng các bộ tài liệu tập huấn mới về tư pháp cho trẻ em được biên soạn cho các cán bộ thi hành pháp luật và cán bộ tư pháp
- Số lượng các đơn vị cảnh sát đã thành lập các phòng lấy lời khai thân thiện dành cho trẻ em bị bạo hành, xâm hại và trẻ em vi phạm pháp luật
- Số lượng trẻ em vi phạm pháp luật nhận được hỗ trợ từ các chương trình xử lý chuyên hướng và tái hòa nhập cộng đồng
- Số lượng trẻ em được trợ giúp pháp lý từ các trung tâm trợ giúp pháp lý của nhà nước và các trung tâm tư vấn pháp luật thuộc các tổ chức chính trị - xã hội – nghề nghiệp

Mục tiêu cụ thể 3: Nâng cao nhận thức cho cộng đồng, gia đình và trẻ em nhằm tăng cường hỗ trợ cho trẻ em có liên quan đến hệ thống tư pháp

Chỉ số:

1. Kế hoạch/chiến lược truyền thông nâng cao nhận thức về quyền của trẻ em có liên quan đến hệ thống tư pháp ở tất cả các cấp được xây dựng
2. Số lượng tài liệu truyền thông được biên soạn để nâng cao nhận thức về quyền của trẻ em có liên quan đến hệ thống tư pháp ở tất cả các cấp

Mục tiêu cụ thể 4: Thu thập số liệu, thông tin để phục vụ cho việc lập chương trình, xây dựng chính sách liên quan đến tư pháp cho trẻ em.

Chỉ số:

1. Nghiên cứu về chi phí-lợi ích của xử lý chuyển hướng và các giải pháp thay thế giam giữ đối với trẻ em vi phạm pháp luật
2. Tỷ lệ các chỉ số tư pháp người chưa thành niên được sử dụng một cách hệ thống tại tất cả các cấp

IV. CÁC KẾT QUẢ CHỦ YẾU CỦA DỰ ÁN

1. Quyền của trẻ em có liên quan đến hệ thống tư pháp được ghi nhận tốt hơn trong các văn bản pháp luật và chính sách chính về tư pháp cho trẻ em

Các kết quả chủ yếu:

- Đến năm 2014, Bộ luật Tố tụng hình sự quy định đầy đủ và cụ thể hơn về thủ tục điều tra, truy tố, xét xử thân thiện với trẻ em và nhạy cảm về giới đối với người chưa thành niên có liên quan đến hệ thống tư pháp
- Đến năm 2015, khung khổ giám sát Chương trình mục tiêu quốc gia về phòng, chống tội phạm được xây dựng và thực hiện
- Đến năm 2016, các biện pháp xử lý chuyển hướng và các chế tài thay thế cho giam giữ mới đối với người chưa thành niên phạm tội được quy định đầy đủ và cụ thể hơn trong Bộ luật Hình sự
- Đến năm 2016, Kế hoạch phát triển nghề công tác xã hội trong lĩnh vực tư pháp được xây dựng trình Chính phủ xem xét
- Đến năm 2016, Luật Trợ giúp pháp lý mở rộng đối tượng trẻ em được trợ giúp pháp lý

Các hoạt động chính:

- Cung cấp thông tin và hỗ trợ kỹ thuật cho chương trình cải cách tư pháp và chính sách nhằm nội luật hóa các quy phạm pháp luật và chuẩn mực quốc tế về tư pháp cho trẻ em, bao gồm xây dựng, sửa đổi các văn bản pháp luật như Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự, Luật xử lý vi phạm hành chính, Luật Tổ chức tòa án nhân dân, Luật Trợ giúp pháp lý, và vận động xây dựng Luật Tư pháp người chưa thành niên
- Vận động và hỗ trợ phân bổ nguồn lực nhiều hơn cho công tác thi hành các văn bản pháp luật và chính sách liên quan đến tư pháp cho trẻ em
- Vận động và hỗ trợ kỹ thuật cho công tác xây dựng khung khổ và cơ chế giám sát thực hiện các chiến lược và chương trình quốc gia liên quan đến tư pháp cho trẻ em, bao gồm Chương trình mục tiêu quốc gia về phòng chống tội phạm
- Vận động và hỗ trợ kỹ thuật cho việc xây dựng kế hoạch phát triển công tác xã hội trong ngành tư pháp

2. Hệ thống tổ chức thi hành pháp luật và tư pháp thân thiện với trẻ em được xây dựng, các dịch vụ được tăng cường để thúc đẩy bảo vệ và hỗ trợ trẻ em có liên quan đến hệ thống tư pháp

Các kết quả chủ yếu:

- Đến năm 2013, các hướng dẫn về cung cấp dịch vụ cho trẻ em có liên quan đến hệ thống tư pháp được xây dựng và thực hiện
- Đến năm 2014, vấn đề tư pháp với người chưa thành niên sẽ được lồng ghép vào chương trình giảng dạy của Học viện cảnh sát và Đại học cảnh sát thành phố Hồ Chí Minh và các cơ sở đào tạo khác của lực lượng cảnh sát nhân dân
- Đến năm 2015, vấn đề tư pháp cho trẻ em sẽ được lồng ghép vào chương trình giảng dạy đại học và tại chức của Đại học Luật Hà Nội và Học viện Tư pháp
- Đến năm 2015, các chương trình hỗ trợ dành cho nạn nhân và nhân chứng của tội phạm được xây dựng và thực hiện
- Đến năm 2016, Dự án thành lập Tòa án gia đình hoặc Tòa án người chưa thành niên sẽ được xây dựng và trình Quốc hội

Các hoạt động chính:

- Cung cấp thông tin và hỗ trợ kỹ thuật cho công tác xây dựng chính sách và thí điểm tòa án chuyên trách về gia đình/người chưa thành niên ở một số tỉnh được lựa chọn
- Hỗ trợ và trợ giúp kỹ thuật cho công tác xây dựng đội cảnh sát điều tra chuyên trách về bảo vệ trẻ em (chuyên điều tra án xâm hại trẻ em và án do người chưa thành niên thực hiện)
- Vận động và hỗ trợ việc hình thành và thực hiện thủ tục tố tụng, hành chính thân thiện với trẻ em và nhạy cảm về giới nhằm góp phần đảm bảo sự tham gia hiệu quả của những trẻ em trong các quy trình tư pháp, hành chính và dựa vào cộng đồng cũng như tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan phúc lợi xã hội và cơ quan tư pháp
- Vận động và hỗ trợ các hoạt động nâng cao năng lực cho các cơ quan tư pháp và hành pháp nhằm tăng cường tư pháp cho trẻ em, trong đó có thúc đẩy việc lồng ghép các vấn đề tư pháp cho trẻ em vào chương trình đào tạo đại học, cao đẳng, đào tạo nghề và đào tạo tại chức ở các cơ sở đào tạo của công an, tòa án, tư pháp và kiểm sát; đồng thời giúp các cơ sở này các phương pháp giảng dạy các vấn đề về tư pháp cho trẻ em, xây dựng tài liệu, công cụ giảng dạy, học tập nhằm thực hiện việc lồng ghép các vấn đề tư pháp cho trẻ em trong chương trình đào tạo
- Vận động và hỗ trợ cho việc phát triển các dịch vụ trợ giúp pháp lý của tổ chức trợ giúp pháp lý và tư vấn pháp luật cho trẻ em vi phạm pháp luật, trẻ em là nạn nhân, nhân chứng của tội phạm cũng như những nhóm trẻ em có liên quan đến hệ thống tư pháp vì lý do khác như chăm sóc, cấp dưỡng, bảo vệ
- Vận động và hỗ trợ công tác xây dựng chính sách, hướng dẫn và chương trình về xử lý chuyển hướng, tư pháp phục hồi và biện pháp thay thế giam giữ cho trẻ em vi phạm pháp luật

- Vận động và trợ giúp kỹ thuật cho việc hình thành và thực hiện các dịch vụ hỗ trợ nạn nhân và nhân chứng trẻ em
- Hỗ trợ công tác xây dựng hướng dẫn và chương trình tập huấn nâng cao năng lực về tư pháp cho trẻ em cho đơn vị thanh tra của các cơ quan thực thi pháp luật và các cơ quan tư pháp.
- Hỗ trợ xây dựng tài liệu và tổ chức tập huấn cho Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân về kỹ năng xét xử các vụ án liên quan đến trẻ em và người chưa thành niên, tổ chức một số hội thảo quốc tế và nâng cao kỹ năng xét xử các vụ án có người chưa thành niên vi phạm pháp luật
- Nghiên cứu tổng kết kinh nghiệm triển khai áp dụng những kỹ năng xét xử mới, phiên tòa thân thiện đối với những vụ án có người chưa thành niên vi phạm pháp luật và những vụ án về hôn nhân và gia đình.

3. Nâng cao nhận thức cho cộng đồng, gia đình và trẻ em nhằm tăng cường hỗ trợ cho trẻ em có liên quan đến hệ thống tư pháp

Các kết quả chủ yếu:

- Đến năm 2013, chiến lược truyền thông và các tài liệu truyền thông được xây dựng để nâng cao nhận thức về tư pháp cho trẻ em

Các hoạt động chính:

- Hỗ trợ các hoạt động truyền thông (tài liệu thông tin, giáo dục, truyền thông, chiến dịch và các hoạt động truyền thông) nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng, gia đình và trẻ em về các luật pháp và chính sách liên quan tới tư pháp cho trẻ em
- Hỗ trợ các hoạt động truyền thông nhằm nâng cao nhận thức cộng đồng, gia đình và trẻ em về quyền của trẻ em khi tiếp xúc với hệ thống tư pháp như trẻ em là nạn nhân, nhân chứng hay trẻ em vi phạm pháp luật.

4. Thu thập số liệu, thông tin để phục vụ cho việc lập chương trình, xây dựng chính sách liên quan đến tư pháp cho trẻ em

Các kết quả chủ yếu:

- Đến năm 2013, 50% chỉ số về tư pháp người chưa thành niên được sử dụng một cách hệ thống tại tất cả các cấp
- Đến năm 2014, nghiên cứu chi phí – lợi ích của các biện pháp xử lý chuyển hướng và thay thế giam giữ cho trẻ em vi phạm pháp luật hoàn thiện và được phát hành

Các hoạt động chính:

- Hỗ trợ tiến hành nghiên cứu so sánh về hệ thống tư pháp thân thiện với trẻ em và nhạy cảm về giới, trong đó có nghiên cứu thành lập tòa án cho gia đình và người chưa thành niên
- Hỗ trợ nghiên cứu chi phí – lợi ích của các biện pháp xử lý chuyển hướng và thay thế giam giữ cho trẻ em vi phạm pháp luật

- Vận động và hỗ trợ công tác xây dựng, hoàn thiện và thực hiện hệ thống giám sát tình hình trẻ em vi phạm pháp luật và trẻ em là nạn nhân và nhân chứng của tội phạm.

V. CƠ CHẾ TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI DỰ ÁN

1. Đối với vốn ODA:

Tổng vốn ODA không hoàn lại:	3.102.000 USD
Vốn ODA đã được cam kết:	785.300 USD
- Vốn thường xuyên:	320.000 USD (tổng ngân sách thường xuyên)
- Vốn đồng tài trợ:	465.300 USD (tổng ngân sách khác đã có sẵn)
Vốn sẽ vận động thêm:	2.316.700 USD (chưa được cam kết)

2. Đối với vốn đối ứng:

Vốn đối ứng (bằng tiền mặt): 7.010.000.000 VND, tương đương 350.500 USD.

Nguồn vốn đối ứng được huy động theo hình thức: Vốn ngân sách trung ương cấp phát: 7.010.000.000 VND (100% tổng vốn đối ứng).

VI. TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Cấu trúc dự án

1.1. Cơ quan chủ trì thực hiện Dự án (NIP):

Năng lực kỹ thuật chuyên môn và cam kết: Bộ Tư pháp là cơ quan Chính phủ chịu trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến pháp luật và tư pháp, theo dõi chung tình hình thi hành pháp luật trong phạm vi cả nước, điều phối nguồn hỗ trợ nước ngoài trong lĩnh vực pháp luật ở Việt Nam. Bộ Tư pháp được giao là cơ quan đầu mối giúp Chính phủ trong công tác xây dựng pháp luật, thực hiện pháp luật, cung cấp các dịch vụ và các hoạt động có liên quan đến chức năng nhiệm vụ của Bộ Tư pháp và là đầu mối để thực hiện một số hoạt động cụ thể liên quan đến các bộ, ngành. Bộ Tư pháp có một đội ngũ cán bộ giỏi ở các Vụ chuyên môn.

Bộ Tư pháp được giao là cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm soạn thảo nhiều văn bản pháp luật liên quan đến tư pháp cho trẻ em, như Bộ luật Hình sự, Luật Xử lý vi phạm hành chính, Luật trợ giúp pháp lý, Luật Hòa giải cơ sở. Bộ Tư pháp là cơ quan chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về phổ biến và giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý, hành chính tư pháp và các hoạt động tư pháp khác trên phạm vi cả nước. Bộ Tư pháp là thành viên của Ban Chỉ đạo cải cách tư pháp trung ương và đóng vai trò quan trọng trong việc thực hiện Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020.

Trong Chương trình hợp tác hiện nay, Bộ Tư pháp là cơ quan chủ quản thực hiện Dự án "Hệ thống tư pháp thân thiện với người chưa thành niên", thuộc Chương trình Bảo vệ trẻ em. Do vậy, Bộ Tư pháp, đã có nhiều kinh nghiệm về quản lý các Dự án của UNICEF. Ngoài ra, Bộ Tư pháp cũng đã chủ trì quản lý các Dự án hợp tác khác với các cơ quan của Liên hợp quốc như UNDP, UNODC, ILO... và các tổ chức quốc tế và nhà tài trợ song phương khác.

Năng lực quản lý: Bộ Tư pháp có năng lực về quản lý các chương trình Dự án hợp tác với các nhà tài trợ nước ngoài, cả song phương và đa phương, đã thực hiện thành công các Dự án tương tự trong nhiều năm qua.

Bộ Tư pháp có kinh nghiệm xử lý các khó khăn về quản lý trong Dự án, kể cả trong quản lý các Dự án đa ngành, đa lĩnh vực, đa nhà tài trợ và đa cơ quan đồng thực hiện.

Theo Nghị định 131/2006/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (Nghị định 131), cũng như Quy chế chung về quản lý chương trình, Dự án hợp tác giữa Việt Nam-Liên hợp quốc (HPPMG), cần nhắc tính phức hợp của Dự án xét về phương diện hỗ trợ kỹ thuật, quản lý và điều phối đa ngành, đa lĩnh vực, cần nhắc năng lực quản lý và chuyên môn của tất cả các cơ quan tổ chức liên quan đã thống nhất lựa chọn **Bộ Tư pháp** là Cơ quan chủ quản Dự án đồng thời là cơ quan chủ trì thực hiện Dự án (NIP).

1.2. Các cơ quan đồng thực hiện Dự án (CIP): là các cục/vụ liên quan của Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, các Ủy ban hữu quan của Quốc hội, Hội Luật gia Việt Nam và các cơ quan khác được xác định trong quá trình thực hiện Dự án.

2. Phương thức tổ chức quản lý thực hiện Dự án

Với những đánh giá về năng lực quản lý và chuyên môn nghiệp vụ của Bộ Tư pháp, việc áp dụng phương thức Quốc gia điều hành (NIM) đối với Bộ Tư pháp là cơ quan chính trong nước thực hiện Dự án cùng với Bộ Công an, Bộ Lao động – Thương binh – Xã hội, Tòa án NDTC, Viện Kiểm sát NDTC, các Ủy ban hữu quan của Quốc hội, Hội Luật gia Việt Nam và các cơ quan, tổ chức có liên quan khác là các cơ quan đồng thực hiện Dự án là hoàn toàn hợp lý.

Một Ban Quản lý Dự án (PMB) do Bộ Tư pháp chỉ định, với cơ cấu và thành phần được mô tả như tại phần dưới đây sẽ được thành lập để giúp việc cho Cơ quan chủ trì thực hiện Dự án. Tiếp thu bài học từ việc hợp tác trước đây, Dự án này đề xuất một số cơ chế nhằm tăng cường năng lực thực hiện và giám sát của Bộ Tư pháp và Ban Quản lý Dự án, cũng như cơ chế hợp tác giữa các hợp phần và điều phối chính sách giữa Dự án và UNICEF liên quan đến lĩnh vực tăng cường hệ thống tư pháp cho trẻ em:

- Duy trì hoạt động tham vấn thường xuyên với các cơ quan và cán bộ có thẩm quyền của Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Lao động – Thương binh – Xã hội, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, các Ủy ban hữu quan của Quốc hội, Hội Luật gia Việt Nam và các cơ quan, tổ chức có liên quan khác nhằm bảo đảm tính khả thi của các kế hoạch hàng năm và nội dung các ưu tiên hỗ trợ đã được các bên nhất trí, đồng thời tăng cường sự hợp tác và phối hợp của các cơ quan nhằm đạt được các kết quả dự kiến của Dự án.
- Bố trí các cán bộ đầu mối tại các bộ, ngành thực hiện Dự án để làm đầu mối liên hệ đối với các hoạt động của Dự án do Bộ, ngành mình thực hiện nhằm giúp Ban Quản lý Dự án bảo đảm chất lượng và tiến độ lập kế hoạch và giám sát đánh giá việc thực hiện Dự án.
- Tổ chức tập huấn cho các cán bộ Ban Quản lý Dự án và cán bộ đầu mối của các Bộ, ngành nhằm đáp ứng yêu cầu cụ thể theo quy định về hài hoà hoá công tác chuyên kinh phí bằng tiền mặt (HACT) và các vấn đề có liên quan đến quản lý khác. Việc đào tạo cần được xây dựng một cách hợp lý để giúp các cán bộ Dự án có được những kỹ năng cần thiết.

Cơ chế này sẽ hỗ trợ nhằm nâng cao hơn nữa năng lực quản lý, vốn đã khá tốt, của Bộ Tư pháp thông qua các hoạt động tham vấn, lập kế hoạch thường xuyên và linh hoạt.

Ban Quản lý Dự án được thành lập với cơ cấu tổ chức như sau:

(1) Giám đốc Dự án quốc gia (NPD): sẽ là một Thứ trưởng của Bộ Tư pháp. Giám đốc Dự án quốc gia chịu trách nhiệm toàn diện về Dự án trước Chính phủ và UNICEF như đã nêu trên. Nếu được Giám đốc ủy quyền và khi Giám đốc vắng mặt, Phó Giám đốc Dự án có thể thay mặt Giám đốc phê duyệt kế hoạch và hoạt động của Dự án. Tuy nhiên, Giám đốc quốc gia vẫn là người duy nhất chịu trách nhiệm về các quyết định của các Phó Giám đốc. Giám đốc Dự án quốc gia, thay mặt Bộ Tư pháp, chịu trách nhiệm về những vấn đề sau:

- Đảm bảo chất lượng, hiệu quả những kết quả Dự án đã đạt được;
- Triển khai đúng tiến độ các hoạt động đã được phê duyệt;
- Sự dụng có hiệu quả các nguồn lực bao gồm cả chuyên gia quốc tế;
- Điều phối hợp lý sự tham gia của các đối tác liên quan của Dự án, cụ thể là các bên đối tác trong nước.

(2) Phó Giám đốc Dự án quốc gia là lãnh đạo Vụ Pháp luật Hình sự-Hành chính, Bộ Tư pháp, giúp Giám đốc trong việc quản lý, điều hành thường xuyên các mảng công việc của Dự án và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về việc thực hiện nhiệm vụ được giao.

(3) Cán bộ Ban Quản lý Dự án: Ngoài hai chức vụ chính của Dự án như đã nêu trên, các cán bộ Ban quản lý Dự án sẽ được huy động tham gia Dự án để hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ đề ra đối với Ban Quản lý Dự án. Số lượng cán bộ Ban Quản lý Dự án sẽ được xác định trên cơ sở khối lượng công việc và nguồn lực thực tế của Bộ Tư pháp.

(4) Ngoài ra, mỗi Bộ, ngành thực hiện Dự án sẽ cử một cán bộ cấp Vụ và một chuyên viên làm đầu mối liên hệ đối với các hoạt động của Dự án do Bộ, ngành mình thực hiện nhằm giúp Ban Quản lý Dự án bảo đảm chất lượng và tiến độ lập kế hoạch và giám sát đánh giá việc thực hiện Dự án, chịu trách nhiệm về sử dụng và quản lý tất cả các nguồn lực của Dự án dành cho Bộ, ngành mình trong khuôn khổ Dự án này.

Giám đốc Dự án quốc gia, Phó Giám đốc Dự án và các Cán bộ Ban Quản lý Dự án được hỗ trợ một phần trợ cấp lương hoặc được thuê từ nguồn ngân sách vốn đối ứng của Chính phủ cung cấp cho các cơ quan tham gia Dự án.

3. Khái quát cơ chế làm việc, quan hệ giữa các cơ quan, đơn vị Dự án

Bộ Tư pháp là cơ quan chủ quản của Dự án đồng thời là cơ quan chủ trì thực hiện Dự án (NIP), chịu trách nhiệm chỉ đạo chung thực hiện Dự án.

Ban Quản lý Dự án do Bộ Tư pháp thành lập là bộ máy giúp việc cho cơ quan chủ trì thực hiện dự án trong việc điều phối và quản lý Dự án.

Các cơ quan đồng thực hiện Dự án (CIP) là các cục/vụ của các bộ ngành hữu quan, chịu trách nhiệm giải trình trực tiếp trước IP, NIP, UNICEF và các cơ quan quản lý ODA của Việt Nam đối với việc thực hiện các hoạt động của Dự án.

Cơ cấu quản lý Dự án như vậy được thành lập dựa trên quy trình báo cáo hiện hành của Chính phủ để bảo đảm tính thống nhất và bền vững. UNICEF sẽ hỗ trợ về mặt kỹ thuật đối với việc quản lý và thực hiện Dự án một cách thích hợp. Trong trường hợp cả UNICEF và

các cơ quan thực hiện Dự án đều không có đủ chuyên môn kỹ thuật thì UNICEF và/hoặc cơ quan thực hiện Dự án sẽ thuê chuyên gia thực hiện hoạt động theo sự thống nhất giữa hai bên.

4. Cơ chế cơ bản xây dựng và thực hiện kế hoạch hoạt động, quản lý tài chính (bao gồm cả phương thức chuyển giao kinh phí được lựa chọn và mức độ đánh giá rủi ro theo HACT)

4.1. Cơ chế xây dựng và thực hiện kế hoạch hoạt động

Kế hoạch hoạt động năm của Dự án sẽ do Bộ Tư pháp và các cơ quan đồng thực hiện Dự án xây dựng với sự hỗ trợ của Ban Quản lý Dự án và cán bộ UNICEF. Thông thường, thời hạn của kế hoạch hoạt động năm là 12 tháng. Trong năm đầu của chu kỳ Dự án, thời hạn này có thể dài hơn 12 tháng, tùy thuộc vào thời gian bắt đầu Dự án. Kế hoạch hoạt động hàng năm được xây dựng căn cứ vào nội dung của Đề cương chi tiết Dự án này và thể hiện toàn bộ hoạt động sẽ được thực hiện trong thời hạn của kế hoạch hoạt động hàng năm. Cơ quan thực hiện hoạt động thuộc kế hoạch hoạt động năm sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm giải trình đối với hoạt động đó.

Kế hoạch hoạt động năm được phê duyệt và ký kết giữa các bên là cơ sở pháp lý để xây dựng kế hoạch hoạt động quý. Kế hoạch hoạt động quý cần phản ánh đúng và cụ thể hóa các hoạt động được ghi trong kế hoạch hoạt động năm cho quý công tác. Đề nghị xem hướng dẫn chi tiết về việc xây dựng và thực hiện kế hoạch hoạt động hàng năm và kế hoạch hoạt động quý trong Quy chế chung quản lý chương trình, Dự án hợp tác Việt Nam-Liên hợp quốc (HPPMG) đối với các Dự án quốc gia điều hành.

4.2. Cơ chế quản lý tài chính:

Việc quản lý tài chính của Dự án được thực hiện theo Quy chế chung quản lý chương trình, Dự án hợp tác Việt Nam-Liên hợp quốc.

Dự toán ngân sách năm là một bộ phận của kế hoạch hoạt động năm được lập trong quá trình dự kiến hoạt động năm và được thông qua khi kế hoạch hoạt động năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Dự toán ngân sách quý là một bộ phận của kế hoạch hoạt động quý, được Giám đốc dự án thông qua và gửi UNICEF phê duyệt trong vòng mười lăm ngày đầu của tháng đầu của quý.

Việc chuyển tiền cho Dự án được thực hiện theo Hướng dẫn HACT. Có thể áp dụng một hay kết hợp một số phương thức chuyển tiền sau đây: (1) chuyển tiền trực tiếp, (2) trả tiền trực tiếp, (3) hoàn ứng, và (4) thực hiện trực tiếp.

Hoạt động mua sắm do cơ quan phía Việt Nam thực hiện sẽ tuân thủ của quy định của Luật Đấu thầu của nhà nước Việt Nam và của HPPMG theo đó việc mua sắm phải dưới danh nghĩa của NIP. Trong trường hợp hoạt động mua sắm do UNICEF thực hiện thì sẽ áp dụng quy trình do UNICEF quy định có sự phối hợp với NIP như quy định tại HPPMG, theo đó việc mua sắm phải dưới danh nghĩa UNICEF.

NIP, CIP hoặc UNICEF đều có thể đề xuất việc điều chỉnh ngân sách dự án vào bất kỳ thời điểm nào trong quá trình thực hiện Dự án. Việc điều chỉnh ngân sách dự án được thực hiện theo Hướng dẫn về hài hòa hóa quản lý Dự án/chương trình.

Định mức chi tiêu sẽ áp dụng theo "Hướng dẫn của Liên Hợp quốc - EU về chi phí địa phương trong hợp tác phát triển với Việt Nam".

Phần vốn đối ứng của Chính phủ Việt Nam đóng góp cho Dự án dưới hình thức tiền mặt sẽ được Dự án quản lý chi tiêu và hạch toán riêng phù hợp với quy định của phía Việt Nam.

4.3. Cơ chế đánh giá, giám sát

Công tác giám sát và đánh giá Dự án sẽ được thực hiện theo Quy chế chung quản lý chương trình, Dự án hợp tác Việt Nam-Liên hợp quốc.

Các công cụ đánh giá và giám sát

Ban quản lý Dự án sẽ phối hợp chặt chẽ với các cơ quan thực hiện Dự án thuộc Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Lao động – Thương binh – Xã hội, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, các Ủy ban hữu quan của Quốc hội, Hội Luật gia Việt Nam và các cơ quan tham gia Dự án khác chịu trách nhiệm chuẩn bị và trình các báo cáo sau được xem như là các công cụ cho quy trình đánh giá và giám sát.

- Kế hoạch hoạt động hàng năm và Ngân sách
- Kế hoạch hoạt động quý và Ngân sách
- Báo cáo thực hiện Kế hoạch công tác quý
- Báo cáo thực hiện Kế hoạch công tác năm
- Báo cáo đánh giá độc lập giữa kỳ
- Báo cáo về các chuyến đi khảo sát, đào tạo...
- Các báo cáo đánh giá chất lượng đào tạo

Phương thức đánh giá và giám sát

Ban Quản lý Dự án theo dõi Dự án: Theo dõi là công việc thường xuyên của Ban Quản lý Dự án để nắm được tình hình hoạt động của Dự án và có biện pháp khắc phục kịp thời nếu cần thiết. Trách nhiệm này có thể được Giám đốc Dự án quốc gia giao cho Phó Giám đốc Dự án cùng với sự giám sát của UNICEF. Dựa theo kế hoạch năm của Dự án và các chỉ số trong khuôn khổ Giám sát và Đánh giá, Ban Quản lý Dự án sẽ thông báo cho UNICEF về bất cứ sự trì hoãn hay các khó khăn gặp phải trong quá trình thực hiện để nhận được sự hỗ trợ hoặc có các biện pháp sửa đổi kịp thời. Các mục tiêu và các chỉ số sẽ dựa trên những điều đã được thống nhất và sẽ được tiến hành xác định lại trong cuộc hội thảo được tổ chức vào đầu mỗi năm của Dự án.

Hội nghị kiểm điểm thực hiện Dự án hàng năm: Theo quy định của Liên hợp quốc, việc tổ chức Hội nghị kiểm điểm thực hiện Dự án hàng năm là không bắt buộc. Tuy nhiên, trong trường hợp các bên liên quan có yêu cầu tổ chức thì có thể tiến hành công việc này vào Quý IV hàng năm.

Các kênh thông tin theo dõi tình hình thực hiện Dự án không chính thức: Ngoài các kênh thông tin và cơ chế giám sát chính thức, UNICEF, NIP và các cơ quan quản lý viện trợ sẽ duy trì quan hệ công tác với nhau và với Ban Quản lý Dự án thông qua các kênh thông tin không

chính thức như thư điện tử, điện thoại, các cuộc trao đổi không chính thức v.v... để chia sẻ kịp thời thông tin về tình hình thực hiện Dự án và đề xuất các hoạt động phối hợp cần thiết.

Các chuyến theo dõi thực địa: Việc theo dõi thực địa có thể do NIP, UNICEF, Ban Quản lý Dự án hoặc cơ quan quản lý viện trợ chủ trì thực hiện và có thể tổ chức đồng thời với các chuyến kiểm tra tài chính tại chỗ.

Các chuyến theo dõi đột xuất: Các chuyến theo dõi đột xuất có thể được tổ chức theo yêu cầu của NIP hoặc Ban Quản lý Dự án hoặc do UNICEF và cơ quan quản lý viện trợ cùng trao đổi quyết định khi Dự án có những vấn đề ảnh hưởng nghiêm trọng tới tình hình thực hiện.

Kiểm tra tài chính tại chỗ: UNICEF tiến hành kiểm tra định kỳ tại Dự án nhằm đánh giá hiệu quả các biện pháp kiểm soát tài chính nội bộ của NIP và mức độ chính xác của các hồ sơ, chứng từ tài chính do Ban Quản lý Dự án lưu trữ để qua đó đề xuất các biện pháp giải quyết tốt những yếu kém (nếu có) và tăng cường công tác quản lý các khoản kinh phí tiếp nhận.

Đánh giá: Dự án dự kiến tiến hành đánh giá giữa kỳ vào cuối năm 2013 hoặc đầu năm 2014, hoạt động này sẽ giúp cho các bên liên quan nắm được một cách hệ thống và khách quan về tiến độ hoàn thành Dự án khi đã đi được nửa chặng đường. Quan trọng hơn, việc đánh giá giữa kỳ sẽ giúp xem xét tính tương quan giữa mục đích/kết quả đầu ra như đã được đặt ra lúc đầu, xác định những vấn đề cần phải điều chỉnh kịp thời để đảm bảo Dự án đạt được các kết quả mong muốn.

VII. PHÂN TÍCH SƠ BỘ TÍNH KHẢ THI VÀ RỦI RO CỦA DỰ ÁN

Dự án có tính khả thi cao bởi lẽ:

- Dự án hỗ trợ các ưu tiên mang tầm chiến lược và các yêu cầu mang tính chương trình của các đối tác và đối tượng thụ hưởng Dự án;
- Bộ Tư pháp, đối tác chính thực hiện Dự án đã có nhiều kinh nghiệm về quản lý và điều hành các Dự án do UNICEF và các nhà tài trợ khác hỗ trợ; và
- Các đối tác khác của Dự án như Bộ Công an, Bộ Lao động – Thương binh – Xã hội, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, các Ủy ban hữu quan của Quốc hội, Hội Luật gia... được khuyến khích phối hợp chặt chẽ với Bộ Tư pháp, và chịu trách nhiệm thực hiện một số hoạt động của Dự án

Dự án có thể gặp phải một số thách thức như ở dưới đây:

Bảng Phân tích rủi ro

Rủi ro	Mức độ	Biện pháp kiểm soát rủi ro
Khả năng các lãnh đạo hoặc cán bộ cao cấp hoặc cán bộ có năng lực của Bộ Tư pháp bị thay đổi không tiếp tục tham gia Dự án	Thấp	Việc thay đổi cán bộ lãnh đạo của Bộ Tư pháp có thể gây xáo trộn cho Dự án. Tuy nhiên trước đây, Bộ Tư pháp đã có sự thay đổi lãnh đạo, song điều này không làm ảnh hưởng lớn tới việc thực hiện và quản lý Dự án. Bộ Tư pháp cam kết giữ nguyên lãnh đạo và đội ngũ cán bộ có năng lực của các đơn vị tham gia Dự án và các đơn vị có liên quan trong Bộ Tư pháp tham gia thực hiện Dự án

		và đây chính là biện pháp để giảm thiểu rủi ro.
Khó khăn tiềm ẩn trong quá trình phối hợp với các cơ quan tham gia Dự án để thực hiện Dự án do sự tham gia và thay đổi cán bộ, những người đã có kinh nghiệm và năng lực thực hiện các hoạt động Dự án	Thấp	Có rủi ro là một số cán bộ lãnh đạo của các cơ quan tham gia Dự án đã hiểu rõ và đã tham gia Dự án được bổ nhiệm vào vị trí công tác mới trong quá trình Dự án được thực hiện. Dự án sẽ thúc đẩy sự cơ chế làm việc tập thể, tránh xảy ra tình trạng hoạt động của Dự án quá phụ thuộc vào một số cá nhân nhất định.
Khối lượng công việc quá lớn của cơ quan chủ trì thực hiện Dự án và các cơ quan đồng thực hiện Dự án có thể làm chậm tiến độ thực hiện Dự án và có nguy cơ là trong một số trường hợp Dự án có thể không nhận được sự hỗ trợ đầy đủ từ phía các cơ quan thực hiện Dự án.	Thấp	Các kết quả mong đợi của Dự án trong văn kiện này đã được xác định phù hợp với các ưu tiên hoạt động của Chính phủ và các cơ quan thực hiện Dự án. Ban Quản lý Dự án sẽ phối hợp chặt chẽ với các cơ quan thực hiện Dự án trong quá trình xây dựng kế hoạch hoạt động năm và kế hoạch hoạt động quý để bảo đảm những kế hoạch này mang tính khả thi và phản ánh đúng những ưu tiên dài hạn và ngắn hạn của các cơ quan nói trên.

VIII. CÁC NỘI DUNG KHÁC

1. Tác động kinh tế, xã hội, bình đẳng giới và môi trường

Tác động kinh tế - xã hội

Dự án sẽ mang lại nhiều ảnh hưởng tích cực và lợi ích về mặt kinh tế xã hội. Cụ thể, phù hợp với Kế hoạch Một Liên Hợp quốc và phù hợp với các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đã được đề ra, Dự án sẽ hỗ trợ lồng ghép các nguyên tắc về trách nhiệm giải trình, tính công khai minh bạch, sự tham gia và nguyên tắc pháp quyền vào trong hệ thống pháp luật và tư pháp của Việt Nam, vào hệ thống các cơ quan dân cử và hệ thống hành chính của Việt Nam.⁶

Bình đẳng giới

Bình đẳng giới là một trong những chủ trương, chính sách lớn của UNICEF nói riêng và toàn bộ hệ thống các cơ quan Liên hợp quốc tại Việt Nam nói chung như đã được phản ánh trong Kế hoạch Một Liên Hợp quốc và Luật Bình đẳng giới của Việt Nam. Xây dựng hệ thống tư pháp cho trẻ em có mối quan hệ gắn bó hữu cơ với việc đấu tranh chống lại sự bất bình đẳng về giới. Dự án sẽ cố gắng thúc đẩy vấn đề bình đẳng giới trong các hợp phần của Dự án. Dự án này sẽ tập trung giải quyết vấn đề tư pháp cho trẻ em vi phạm pháp luật, chủ yếu là trẻ em trai từ 12 đến dưới 18 tuổi; và trẻ em là nạn nhân, nhân chứng của tội phạm, chủ yếu là các

⁶ Kế hoạch Một Liên Hợp quốc tại Việt Nam, Mục tiêu số 3.2.

em gái. Dự án này cũng sẽ thúc đẩy thủ tục điều tra, truy tố, xét xử thân thiện với trẻ em và nhạy cảm giới. Các nhu cầu đặc biệt của trẻ em trai và trẻ em gái có liên quan đến hệ thống tư pháp sẽ được cân nhắc trong quá trình xây dựng và thực hiện các giải pháp can thiệp để bảo đảm đáp ứng các nhu cầu đặc biệt và tôn trọng quyền của các em. Dự án cũng góp phần làm giảm tính dễ bị tổn thương của trẻ em và người chưa thành niên bị thiệt thòi, như trẻ em sống chung với HIV/AIDS, trẻ em dân tộc ít người khi các em phải tiếp cận với hệ thống tư pháp, giảm miệt thị và phân biệt đối xử đối với trẻ em vi phạm pháp luật để thúc đẩy tái hòa nhập bền vững.

Dự án sẽ bảo đảm rằng vấn đề giới sẽ luôn được xem xét trong tất cả các khâu như thiết kế và phân tích các nghiên cứu và tình huống và sẽ cố gắng xác định những khiếm khuyết về thông tin liên quan đến vấn đề giới. Hơn nữa, Dự án sẽ bảo đảm rằng các dữ liệu tán mạn về giới tính (không chỉ về giới mà còn cả những dữ liệu về các nhóm yếu thế như trẻ em gái dân tộc và nông thôn) cũng được tập hợp và công bố khi có thể.

Cụ thể, nhận thức của toàn bộ Dự án về cân bằng giới được nâng cao và bảo đảm rằng vấn đề giới sẽ được chú trọng đặc biệt trong các hoạt động xây dựng năng lực. Đảm bảo tối thiểu 30% số lượng người tham gia là phụ nữ là mục tiêu trong tất cả các hoạt động do Dự án tổ chức bao gồm hội thảo, đào tạo và khảo sát, đối thoại chính sách.

Tác động môi trường

Dự án này không giải quyết trực tiếp các vấn đề môi trường. Nhưng gián tiếp, và về lâu dài, thành công trong việc hoàn thiện hệ thống tư pháp cho trẻ em, trong cải cách hệ thống pháp luật và tư pháp sẽ cải thiện các quy định về môi trường, đặc biệt là thông qua tăng cường tính công khai minh bạch và sự tham gia của người dân vào việc xây dựng chính sách, giám sát việc thực thi pháp luật, trong lĩnh vực môi trường và sẽ hỗ trợ tăng cường tiếng nói của người dân vào lĩnh vực môi trường.

2. Tính bền vững của Dự án sau khi kết thúc

Tính bền vững của Dự án này dựa trên kết quả quản lý và điều hành các hoạt động Dự án của Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Lao động - thương binh và xã hội, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Hội Luật gia Việt Nam và các cơ quan khác. Các cơ quan này được khuyến khích thực hiện Dự án và điều này phản ánh những ưu tiên mang tầm chiến lược và các yêu cầu mang tính chất chương trình của chính các cơ quan này.

Dự án có mục tiêu thúc đẩy phát triển bền vững trên cơ sở xây dựng năng lực dài hạn và phát triển các mô hình có khả năng nhân rộng. Những hình thức hỗ trợ này là nền tảng vững chắc để bảo đảm tính bền vững của Dự án.

Hà Nội, ngày 23 tháng 10 năm 2012

Tài liệu kèm theo: Phụ lục - Dự kiến kinh phí đóng góp bằng tiền mặt của phía Việt Nam (Vốn đối ứng của Chính phủ Việt Nam)

Phụ lục 1: Dự trù ngân sách hỗ trợ kỹ thuật của UNICEF

Hợp phần	2012			2013			2014			2015			2016			TỔNG		
	RR	OR	Tổng	RR	OR	Tổng	RR	OR	Tổng	RR	OR	Tổng	RR	OR	Tổng	RR	OR	Tổng
Hệ thống tư pháp thân thiện với người chưa thành niên	40,000	400,000	440,000	40,000	400,000	440,000	40,000	400,000	440,000	40,000	400,000	440,000	40,000	400,000	440,000	200,000	2,000,000	2,200,000
Tăng cường khung luật pháp, chính sách về tư pháp với trẻ em	20,000	140,000	160,000	20,000	140,000	160,000	20,000	140,000	160,000	20,000	140,000	160,000	20,000	140,000	160,000	100,000	700,000	800,000
Tăng cường hệ thống và năng lực thi hành pháp luật và tư pháp	20,000	180,000	200,000	20,000	180,000	200,000	20,000	180,000	200,000	20,000	180,000	200,000	20,000	180,000	200,000	100,000	900,000	1,000,000
Nâng cao nhận thức		30,000	30,000		30,000	30,000		30,000	30,000		30,000	30,000		30,000	30,000		150,000	150,000
Tăng cường cơ sở kiến thức và giám sát		50,000	50,000		50,000	50,000		50,000	50,000		50,000	50,000		50,000	50,000		250,000	250,000
Hỗ trợ kỹ thuật (UNICEF trực tiếp thực hiện)	24,000	156,400	180,400	24,000	156,400	180,400	24,000	156,400	180,400	24,000	156,400	180,400	24,000	156,400	180,400	120,000	782,000	902,000
TỔNG	64,000	556,400	620,400	64,000	556,400	620,400	64,000	556,400	620,400	64,000	556,400	620,400	64,000	556,400	620,400	320,000	2,782,000	3,102,000

Phụ lục 2: Dự kiến kinh phí đóng góp bằng tiền mặt của phía Việt Nam (Vốn đối ứng của Chính phủ Việt Nam)

TT	Nội dung	Số người	Chi phí hàng tháng (VND)	Số tháng	Tổng cộng (VND)	(USD)
1	Trợ cấp lương cho 09 cán bộ tham gia Dự án (01 Giám đốc, 02 Phó Giám đốc Dự án, 05 trợ lý pháp luật, 01 Kế toán)					
	Trợ cấp lương cho Giám đốc (80%)	1	4,500,000	60	270,000,000	
	Trợ cấp lương cho Phó Giám đốc (80%)	2	4,500,000	60	540,000,000	
	Trợ cấp lương cho trợ lý pháp luật (80%)(*)	5	3,500,000	60	1,050,000,000	
	Trợ cấp lương cho cán bộ hành chính, kế toán (nếu cần thiết) (80% lương)	1	2,500,000	60	150,000,000	
			15,000,000		2,010,000,000	100,500
2	Thuê chuyên gia trong nước (xây dựng văn kiện Dự án, thẩm định, đánh giá giám sát Dự án, xây dựng kế hoạch tổng thể, kế hoạch hàng năm)	5	5,000,000	8	200,000,000	10,000
3	Các chi phí duy trì hoạt động của Dự án (Thuê trụ sở, tiền điện nước, xăng xe, chi phí hội họp, dịch tài liệu /báo cáo, dịch nói tại các cuộc họp có chuyên gia quốc tế, vật tư thiết bị văn phòng, công tác phí địa phương và nước ngoài... - các khoản nhà tài trợ không hỗ trợ)		80,000,000	60	4,800,000,000	240,000
	Tổng cộng		100,000,000		7,010,000,000	350,500

Tỷ giá quy đổi từ VND sang USD: 20,000 VND = 01 USD

(*) Cơ quan cử người chi trả từ nguồn ngân sách cấp phát cho cơ quan

